

**BẢNG THUYẾT MINH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT XÂY DỰNG BẢNG GIÁ ĐẤT;
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT; ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

(Dự thảo lần 1)

1. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

- Nghị quyết 202/2025/QĐ15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa năm 2025;
- Luật Đất đai số 31/QH/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/QH/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2023/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;
- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.
- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.
- Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;
- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

2. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Vận dụng theo khoản 2 Điều 22 Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27/9/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp xây dựng định mức, dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật để lập dự toán xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa vận dụng các phương pháp sau:

2.1. Phương pháp kế thừa: Dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật để lập dự toán xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được xây dựng trên cơ sở kế thừa và vận dụng các định mức đã ban hành tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất.

2.2. Phương pháp so sánh: Là phương pháp xây dựng định mức dựa vào các định mức của công việc, sản phẩm tương đồng đã thực hiện trong thực tế.

2.3. Các phương pháp khác: Phương pháp thống kê, tổng hợp; phương pháp chuyên gia, phương pháp phân tích và phương pháp tiêu chuẩn.

3. Nội dung các bước công việc xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất và định giá đất cụ thể theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP, Nghị định 151/2025/NĐ-CP, Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT và Nghị định 226/2025/NĐ-CP.

3.1. Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất

3.1.1. Xây dựng bảng giá đất

Theo quy định tại chương III Nghị định số 71/2024/NĐ-CP, bảng giá đất gồm bảng giá đất theo vị trí đất (Mục 2) và bảng giá đất đến từng thửa đất trên cơ sở vùng giá trị, thửa đất chuẩn (Mục 3). Tuy nhiên hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang dự thảo Thông tư quy định chi tiết về xây dựng, điều chỉnh sửa đổi, bổ sung bảng giá đất đến từng thửa đất trên cơ sở vùng giá trị, thửa đất chuẩn. Bên cạnh đó, tỉnh Khánh Hòa chưa đảm bảo đủ các điều kiện quy định để xây dựng bảng giá đất đến từng thửa đất trên cơ sở vùng giá trị, thửa đất chuẩn như: (1) Có bản đồ địa chính số được chỉnh lý, cập nhật khi có sự thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất và các yếu tố khác có liên quan đến nội dung bản đồ địa chính và đồng thời được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định của pháp luật về bản đồ địa chính; (2) Có cơ sở dữ liệu giá đất gồm: giá đất được ghi trong

hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính; thông tin giá đất thu thập qua điều tra, khảo sát trong thời gian 24 tháng tính từ thời điểm định giá đất trở về trước theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP. Do đó, trong thuyết minh này chỉ thuyết minh cho việc xây dựng bảng giá đất theo vị trí được quy định tại mục 2 Chương III Nghị định số 71/2024/NĐ-CP.

- Theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Nghị định 71/2024/NĐ-CP, các loại đất phải quy định cụ thể giao đất trong bảng giá đất gồm:

- + Giá đất trồng cây hằng năm gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác;
- + Giá đất trồng cây lâu năm;
- + Giá đất rừng sản xuất;
- + Giá đất nuôi trồng thủy sản;
- + Giá đất làm muối;
- + Giá đất ở tại nông thôn;
- + Giá đất ở tại đô thị;
- + Giá đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp;
- + Giá đất thương mại, dịch vụ;
- + Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp;
- + Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản;
- + Giá các loại đất trong khu công nghệ cao;
- + Giá các loại đất khác theo phân loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai (trừ các loại phía trên) theo yêu cầu quản lý của địa phương.

Đối với tỉnh Khánh Hòa, bảng giá đất được xây dựng quy định cụ thể đối với các loại đất sau: Đất trồng cây hằng năm gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác; Đất trồng cây lâu năm; Đất rừng sản xuất; Đất nuôi trồng thủy sản; Đất làm muối; Đất ở tại nông thôn; Đất ở tại đô thị; Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Đất thương mại, dịch vụ; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản.

Trình tự, thủ tục xây dựng bảng giá đất được quy định tại Điều 14 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP. Theo đó, nội dung các bước công việc trong xây dựng bảng giá đất theo vị trí như sau:

1. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin phục vụ việc xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí.

a. Thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP.

b. Thu thập thông tin đầu vào theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 4 của Nghị định 71/2024/NĐ-CP được hình thành trong thời gian 24 tháng tính từ thời điểm khảo sát trở về trước. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về các khoản thu nhập, chi phí để xác định giá đất theo phương pháp thu nhập đối với trường hợp không đủ điều kiện áp dụng phương pháp so sánh nhưng xác định được các khoản thu nhập, chi phí từ việc sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất. Việc điều tra, khảo sát, thu thập thông tin được thực hiện theo mẫu biểu từ Mẫu số 30, mẫu số 31 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP. Ngoài các nội dung điều tra, khảo sát quy định tại khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể bổ sung các thông tin khác vào phiếu điều tra để đáp ứng yêu cầu xây dựng bảng giá đất tại địa phương.

2. Xác định loại đất, khu vực, vị trí đất tại từng xã, phường đối với khu vực xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí

a. Xác định khu vực trong xây dựng bảng giá đất (thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2024/NĐ-CP).

b. Xác định vị trí trong xây dựng bảng giá đất (thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định 71/2024/NĐ-CP).

3. Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại cấp xã, cấp tỉnh; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành đối với việc xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí.

a. Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại xã, phường (thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định 71/2024/NĐ-CP).

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ phiếu điều tra và xác định mức giá của các vị trí đất sau khi thu thập thông tin giá đất.

- Thống kê giá đất đầu vào tại xã, phường thực hiện theo Mẫu số 32 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP và xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất tại xã, phường.

b. Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại cấp tỉnh; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành (thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định 71/2024/NĐ-CP).

- Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất tại cấp tỉnh thực hiện theo mẫu biểu từ Mẫu số 33 đến Mẫu số 36 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP.

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành

4. Xây dựng dự thảo bảng giá đất và dự thảo Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất

a. Bảng giá đất được xây dựng theo khu vực, vị trí đất thực hiện theo mẫu biểu từ Mẫu số 37 đến Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP.

b. Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí.

3.1.2. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất

Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 71/2024/NĐ-CP, trình tự thủ tục điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất được thực hiện theo quy định tại các Điều 13, 14, 15 của Nghị định. Do đó nội dung các bước công việc thực hiện điều chỉnh, sửa đổi bổ sung bảng giá đất được thực hiện như nội dung các bước công việc của xây dựng bảng giá đất đã trình bày tại mục 3.1.1 thuyết minh này.

3.2. Định giá đất cụ thể

3.2.1. Trình tự thủ tục

Trình tự, thủ tục định giá đất cụ thể được quy định tại Điều 33 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP. Theo đó, nội dung các bước công việc trong định giá đất cụ thể như sau:

1. Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin (Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định 71/2024/NĐ-CP).

2. Lựa chọn phương pháp định giá đất (Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định 71/2024/NĐ-CP).

3. Xây dựng Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất, dự thảo Chứng thư định giá đất (Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định 71/2024/NĐ-CP).

3.2.2. Các bảng hệ số

1 Bảng hệ số theo quy mô diện tích và khu vực để điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật khi định giá đất cụ thể theo phương án so sánh, thu nhập và thặng dư

Bảng 01. Bảng hệ số theo quy mô diện tích và khu vực

(Áp dụng đối với đất nông nghiệp)

Khu vực Diện tích (ha)	Các xã	Các phường
≤ 0,1	0,50	0,60
0,3	0,60	0,70
0,5	0,70	0,80
1	0,85	0,95
3	1,00	1,10
5	1,40	1,50
10	1,80	1,90
30	2,20	2,30
50	2,80	2,90
100	3,40	3,50
300	4,00	4,10
≥ 500	4,80	4,90

Bảng 02. Bảng hệ số theo quy mô diện tích và khu vực

(Áp dụng đối với đất phi nông nghiệp)

Khu vực Diện tích (ha)	Các xã	Các phường
≤ 0,1	0,50	0,60
0,3	0,65	0,75
0,5	0,80	0,90
1	1,00	1,10
3	1,20	1,30
5	1,60	1,70
10	2,00	2,10
30	2,60	2,70
50	3,20	3,30
100	4,00	4,10

Khu vực Diện tích (ha)	Các xã	Các phường
300	4,80	4,90
≥ 500	5,80	5,90

2 Bảng hệ số theo quy mô diện tích và khu vực để điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật khi định giá đất cụ thể theo phương án hệ số điều chỉnh giá đất.

Bảng 03. Bảng hệ số theo quy mô diện tích và khu vực

Khu vực Diện tích (ha)	Các xã	Các phường
$\leq 0,1$	0,50	0,60
0,3	0,65	0,75
0,5	0,80	0,90
1	1,00	1,10
3	1,20	1,30
5	1,40	1,50
10	1,60	1,70
30	1,80	1,90
50	2,00	2,10
100	2,20	2,30
300	2,40	2,50
500	2,60	2,70
1.000	2,80	2,90
3.000	3,00	3,10
≥ 5.000	3,20	3,30

Ghi chú:

(1) Hệ số theo quy mô diện tích và khu vực quy định tại các Bảng 01, 02 và 03 được tính theo phương pháp nội suy.

(2) Thừa đất hoặc khu đất, khu vực định giá đất nằm trên địa bàn từ 02 xã, phường trở lên thì tính theo xã, phường có diện tích thừa đất hoặc khu đất, khu vực định giá đất lớn nhất.

4. Định biên và định mức lao động

- Định biên các bước công việc được vận dụng quy đổi từ quy định tại Thông tư số 20/2015/TT- BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định mức do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa xây dựng đã thực hiện điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Khánh Hòa.

5. Định mức dụng cụ, thiết bị, vật liệu

- Định mức dụng cụ, thiết bị, vật liệu được xây dựng trên cơ sở vận dụng kế thừa theo các quy định đã ban hành tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường có rà soát điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Khánh Hòa.

6. Thuyết minh định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng bảng giá đất

6.1. Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
I	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin phục vụ việc xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí				
1.1	Thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP.	1ĐCV3	217,10	-	- Áp dụng tương đương định biên được quy định tại điểm 2.1 mục 2 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT: - Theo quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT, trung bình 1 công/1 điểm điều tra. Mỗi điểm điều tra 01 phiếu theo mẫu số 06.

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					<p>- Quy đổi của 1 điểm điều tra tương đương với 1 đơn vị hành chính cấp xã. Mỗi đơn vị hành chính cấp xã tiến hành điều tra 01 phiếu theo mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Định mức = số xã trên địa bàn tỉnh * 1 công/1 đơn vị hành chính cấp xã. Tỉnh Khánh Hòa có 65 đơn vị hành chính cấp xã</p> <p>- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích cấp xã của tỉnh Khánh Hòa theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (quy mô cấp xã tăng 3,34 lần so với quy mô xã trước đây).</p>
1.2	Thu thập thông tin đầu vào theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 4 của Nghị định 71/2024/NĐ-CP được hình thành trong thời gian 24 tháng tính từ thời điểm khảo sát trở về trước. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về các khoản thu nhập, chi phí để xác định giá đất theo phương pháp thu nhập đối với trường hợp không đủ điều kiện áp dụng phương pháp so sánh nhưng xác định được các khoản thu	2 (1ĐCV3, 1ĐCV2)	1.000	1.000	<p>- Áp dụng tương đương định biên quy định tại điểm 2.2 mục 2 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</p> <p>- Định mức tính theo phiếu điều tra</p> <p>- Theo quy định tại Thông tư 20/2015/TT-BTNMT trung bình 0,17 công/1 phiếu. Tuy nhiên, đề xuất tăng công/phiếu điều tra do trong mẫu phiếu số 1 và số 2 tại phụ lục I Nghị định 71/2024/NĐ-CP bổ sung thêm một số thông tin cần điều tra như các thông</p>

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
	nhập, chi phí từ việc sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất				<p>tin về năng suất cây trồng, vật nuôi (hệ thống tưới tiêu, độ phì của đất), địa hình, điều kiện giao thông phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; thông tin về thu nhập chi phí của việc sử dụng đất một số năm; giá thuê đất, giá thuê mặt bằng; giá kinh doanh sản phẩm, dịch vụ; thu thập các thông tin về khoảng cách từ thửa đất đến trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, chợ, cơ sở giáo dục, cơ sở thể dục thể thao, cơ sở y tế, công viên vui chơi giải trí; thông tin về thời hạn sử dụng đất; các thông tin về tài sản gắn liền với đất là cây lâu năm, rừng trồng.</p> <p>- Định mức công đề xuất là 0,2 công/phiếu trong đó 0,1 công điều tra nội nghiệp từ các nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; Văn phòng Đăng ký đất đai; đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị, tổ chức đấu giá tài sản; sàn giao dịch bất động sản, doanh nghiệp bất động sản và 0,1 công ngoại nghiệp (qua điều tra khảo sát). Định mức tạm tính 10.000 phiếu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p>

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					- Số lượng phiếu điều tra được tính căn cứ vào số lượng giao dịch chuyển nhượng trên thị trường, số lượng thửa trúng đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh trong vòng 24 tháng tính từ thời điểm khảo sát trở về trước.
II	Xác định loại đất, khu vực, vị trí đất tại từng xã, phường				
2.1	Xác định khu vực trong xây dựng bảng giá đất	2 (1ĐCV3, 1ĐCV2)	80,16	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định biên quy định tại điểm 1.2 mục 1 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Định mức chỉ tính cho các đơn vị hành chính là xã nông thôn do theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định 71/2024/NĐ-CP: Các loại đất cần xác định khu vực trong bảng giá đất bao gồm: đất nông nghiệp, đất ở tại nông thôn; đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn; đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng và đất phi nông nghiệp khác tại nông thôn.

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					<ul style="list-style-type: none"> - Định mức được tính trung bình là 0,5 công/1 xã do chỉ thực hiện rà soát xác định lại khu vực đã xác định trong bảng giá đất đã ban hành trên địa bàn tỉnh - Tỉnh Khánh Hòa có 48 xã. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích cấp xã của tỉnh Khánh Hòa theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (quy mô cấp xã tăng 3,34 lần so với quy mô xã trước đây).
2.2	Xác định vị trí đất trong xây dựng bảng giá đất	2 (1ĐCV3, 1ĐCV2)	108,55	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định biên quy định tại điểm 1.3 mục 1 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Định mức được tính theo đơn vị hành chính cấp xã, trung bình 0,5 công/1 xã do chỉ thực hiện rà soát xác định lại các vị trí đã được xác định trong bảng giá đất đã ban hành trên địa bàn tỉnh - Tỉnh Khánh Hòa có 65 đơn vị hành chính cấp xã.

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích cấp xã của tỉnh Khánh Hòa theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (quy mô cấp xã tăng 3,34 lần so với quy mô xã trước đây).
III	Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại cấp xã, cấp tỉnh; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành đối với việc xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí				
3.1	Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại xã, phường				
a	Kiểm tra, rà soát toàn bộ phiếu điều tra và xác định mức giá của các vị trí đất sau khi thu thập thông tin giá đất quy định tại Điều 19 của Nghị định 71/2024/NĐ-CP.	1ĐCV3	325,65	-	Áp dụng tương đương định biên quy định tại điểm 2.3, 2.4 mục 2 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Quy đổi định mức của 1 xã phường = định mức của 1 điểm điều tra = 1,5 công/ 1 xã, phường (1,0 công của nội dung 2.3 và 0,5 công của nội dung điểm 2,4)

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					<ul style="list-style-type: none"> - Tỉnh Khánh Hòa có 65 đơn vị hành chính cấp xã - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích cấp xã của tỉnh Khánh Hòa theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (quy mô cấp xã tăng 3,34 lần so với quy mô xã trước đây).
b	Thống kê giá đất đầu vào tại xã, phường thực hiện theo Mẫu số 04 của Phụ lục I Nghị định 71/2024/NĐ-CP và xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất tại xã, phường.	1ĐCV3	434,20	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định biên tương đương quy định tại điểm 2.5, 2.6 mục 2 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Quy đổi định mức của 1 xã phường = định mức của 1 điểm điều tra = 2 công/1 xã, phường (0,5 công của nội dung 2.5 và 1,5 công của nội dung điểm 2.6) - Tỉnh Khánh Hòa có 65 đơn vị hành chính cấp xã - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích cấp xã của tỉnh Khánh Hòa theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (quy mô cấp xã tăng 3,34 lần so với quy mô xã trước đây).

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
3.2	Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin cấp tỉnh; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành				
a	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất tại cấp tỉnh thực hiện theo mẫu biểu từ Mẫu số 09 đến Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 71/2024/NĐ-CP	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	27,06	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định biên tương đương quy định tại điểm 4.1 mục 4 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
b	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	13,53	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định biên và định mức quy định tại điểm 4.2 mục 4 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
IV	Xây dựng dự thảo bảng giá đất, dự thảo Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí đất				
4.1	Xây dựng bảng giá đất được xây dựng theo khu vực, vị trí đất				
<i>a</i>	<i>Bảng giá đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác</i>	<i>2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)</i>	<i>6,77</i>	<i>-</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.1 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
<i>b</i>	<i>Bảng giá đất trồng cây lâu năm</i>	<i>2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)</i>	<i>6,77</i>	<i>-</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.2 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
c	Bảng giá đất rừng sản xuất	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	6,77	-	<p>- Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.3 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</p> <p>- Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây.</p> <p>- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</p>
d	Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	6,77	-	<p>- Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.4 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</p> <p>- Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây.</p> <p>- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</p>
đ	Bảng giá đất làm muối	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	6,77	-	<p>- Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.5 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</p>

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
e	Bảng giá đất ở tại nông thôn	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	27,06		<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.6 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
g	Bảng giá đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại nông thôn	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	13,53		<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.8 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					<i>mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</i>
<i>h</i>	<i>Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn</i>	<i>2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)</i>	<i>13,53</i>		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.7 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</i> - <i>Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây.</i> - <i>Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</i>
<i>i</i>	<i>Bảng giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại nông thôn</i>	<i>2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)</i>	<i>13,53</i>		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.8 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</i> - <i>Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây.</i> - <i>Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</i>

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
k	Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tại nông thôn	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	13,53	-	<p>- Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.8 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</p> <p>- Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây.</p> <p>- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</p>
l	Bảng giá đất ở tại đô thị	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	40,59	-	<p>- Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.9 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</p> <p>- Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây.</p> <p>- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</p>
m	Bảng giá đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại đô thị	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	20,30	-	<p>- Vận dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.11 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</p>

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
n	Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại đô thị	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	20,30		<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.10 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
o	Bảng giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại đô thị	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	20,30		<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.11 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					<i>mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</i>
<i>p</i>	<i>Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tại đô thị</i>	<i>2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)</i>	<i>20,30</i>		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.11 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</i> - <i>Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây.</i> - <i>Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</i>
4.2	Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	27,06		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.3 mục 5 Bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT.</i> - <i>Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa trước đây.</i> - <i>Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</i>

Ghi chú:

- Định mức quy định tại các mục 1.1, 2.2, 3.1 được tính cho 65 đơn vị hành chính cấp xã.
- Định mức quy định tại mục 2.1 được tính cho 48 đơn vị hành chính là xã (nông thôn).
- Định mức quy định tại mục 1.2 được tính cho 10.000 phiếu. Khi số lượng phiếu lớn hơn hoặc nhỏ hơn 10.000 phiếu thì điều chỉnh theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng phiếu cần điều tra.

6.2. Định mức dụng cụ

Số TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
				Nội nghịệp	Ngoại nghịệp	
1	Bàn làm việc	Cái	96	2.379,60		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
2	Ghế văn phòng	Cái	96	2.379,60		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
3	Tủ để tài liệu	Cái	96	2.379,60		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
4	Kéo cắt giấy	Cái	9	51,55	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định mức quy định tại Bảng 5 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất) - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
5	Bàn đập ghim	Cái	24	2.379,60		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp

Số TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
				Nội nghề	Ngoại nghề	
6	Cấp dụng tài liệu	Cái	24		2.000	Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
7	Mũ cứng	Cái	12		2.000	Tính bằng 100% số nhân công đi điều tra thực địa
8	Lưu điện	Cái	60	2.379,60		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
9	Quần áo mưa	Bộ	6		1.000	Tính bằng 50% số nhân công đi điều tra thực địa
10	Bình đựng nước uống	Cái	6		2.000	Tính bằng 100% số nhân công đi điều tra thực địa
11	Ba lô	Cái	24		2.000	Tính bằng 100% số nhân công đi điều tra thực địa
12	Thước nhựa	Cái	24	1.031,03	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định mức quy định tại Bảng 5 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất)

Số TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
						- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
13	Gọt bút chì	Cái	9	103,1	197,82	<p>- Áp dụng định mức quy định tại Bảng 5 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT.</p> <p>- Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</p> <p>- Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất)</p> <p>- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</p>
14	Đèn neon	Bộ	30	661,00		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người

Số TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
15	Đồng hồ treo tường	Cái	36	661,00		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người
16	Máy tính Casio	Cái	36	396,60		Tính bằng 10% tổng nhân công nội nghiệp
17	Máy hút bụi	Cái	60	3.305,00		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người; tuần hút 5 lần, mỗi lần 30 phút.
18	Quạt trần	Cái	60	661,00		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người
19	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		400	Chuyển từ thiết bị sang Tính bằng 20% số nhân công đi điều tra thực địa
20	Điện năng	kW		3.380,03		Tính theo công suất thiết bị

Ghi chú:

- Định mức thiết bị nội nghiệp được tính cho xây dựng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Định mức dụng cụ ngoại nghiệp được tính cho trung bình 10.000 phiếu điều tra. Trong trường hợp số lượng phiếu điều tra thấp hơn hoặc cao hơn 10.000 thì điều chỉnh định mức dụng cụ ngoại nghiệp theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng phiếu cần điều tra.

6.3. Định mức thiết bị

STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất (kW/h)	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
1	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	2,20	96	661,00		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người
2	Máy vi tính	Cái	0,40	60	2.379,60		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
3	Máy photocopy	Cái	1,50	60	128,88		<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định mức quy định tại Bảng 7 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất) - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
4	Máy tính xách tay	Cái	0,50	60		600,00	Tính bằng 30% số nhân công đi điều tra thực địa
5	Máy in A3	Cái	0,50	60	167,55		<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định mức quy định tại Bảng 7 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT

STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất (kW/h)	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
							- Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cân quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất) - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
6	Máy in A4	Cái	0,40	60	167,55		Đề nghị bổ sung để phục vụ công tác in phiếu. Tính bằng số ca in của máy A3
7	Máy chiếu	Cái	0,50	60	8,00		Tính bằng số giờ hội thảo (dự kiến 16 cuộc hội thảo x 4 giờ/cuộc), mỗi ngày làm việc 8h
8	Điện năng	kW			23.134,90		Tính theo công suất thiết bị

Ghi chú:

- Định mức thiết bị nội nghiệp được tính cho xây dựng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Khi lập dự toán điều chỉnh, sửa đổi bổ sung bảng giá đất thì tính bằng 50% định mức thiết bị nội nghiệp cho xây dựng bảng giá đất.

- Định mức thiết bị ngoại nghiệp được tính cho trung bình 10.000 phiếu điều tra. Trong trường hợp số lượng phiếu điều tra thấp hơn hoặc cao hơn 10.000 thì điều chỉnh định mức thiết bị ngoại nghiệp theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng phiếu cần điều tra.

6.4. Định mức vật liệu

STT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Định mức		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
1	USB (4 GB)	Cái	33,00		Chuyển từ dụng cụ sang, tính trung bình 2 xã 1 cái
2	Giấy A4	Gram	6,00	22,00	- Định mức ngoại nghiệp bằng tổng số phiếu điều tra/500 tờ + 10% sai sót - Định mức nội nghiệp tính 25% định mức ngoại nghiệp
3	Giấy A3	Gram	20,00	-	- Áp dụng định mức tại bảng 08 thông tư 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất) - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
4	Hồ dán khô	Hộp	24,00	-	
5	Sổ ghi chép	Cuốn	30,00	44,00	
6	Cặp 3 dây	Cái	34,00	44,00	
7	Bút bi	Cái	75,00	65,00	
8	Ghim dập	Cái	59,00	-	
9	Ghim vòng	Cái	49,00	-	
10	Túi ny lông đựng tài liệu	Cái	-	44,00	
11	Băng dính to	Cuốn	79,00	-	

STT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Định mức		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
12	Bút dạ màu	Bộ	24,00	22,00	<p>- Áp dụng định mức tại bảng 08 thông tư 20/2015/TT-BTNMT.</p> <p>- Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT.</p>
13	Bút chì	Cái	53,00	65,00	
14	Bút xóa	Cái	79,00	-	
15	Bút nhớ dòng	Cái	77,00	-	
16	Tẩy chì	Cái	59,00	30,00	<p>- Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất)</p> <p>- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</p>
17	Mực photocopy	Hộp	0,39	0,39	Photocopy 70% lượng giấy A4 và 60% lượng giấy A3
18	Mực in A4 Laser	Hộp	0,69	2,75	<p>- Bổ sung thêm để phục vụ công tác in phiếu, in tài liệu</p> <p>- Mỗi hộp mực in được 1.200 trang giấy; dự kiến in 30% số lượng giấy A4</p>
19	Mực in A3 Laser	Hộp	5,93	-	- Mỗi hộp mực in được 1000 trang giấy; dự kiến in 40% số lượng giấy A3

Ghi chú:

- Định mức thiết bị nội nghiệp được tính cho xây dựng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Định mức thiết bị ngoại nghiệp được tính cho trung bình 10.000 phiếu điều tra. Trong trường hợp số lượng phiếu điều tra thấp hơn hoặc cao hơn 10.000 thì điều chỉnh định mức thiết bị ngoại nghiệp theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng phiếu cần điều tra.

Cơ cấu sử dụng dụng cụ, thiết bị, vật liệu cho từng nội dung công việc, xây dựng bảng giá đất được xác định theo sau:

STT	Nội dung công việc	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	Tổng	100,00	100,00
1	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin phục vụ việc xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí	55,89	100,00
2	Xác định loại đất, khu vực vị trí đất tại từng xã, phường	9,51	
3	Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại cấp xã, cấp tỉnh; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành đối với việc xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí	21,21	
4	Xây dựng dự thảo bảng giá đất, dự thảo Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí đất	13,39	

7. Thuyết minh định mức kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất

7.1. Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
I	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin phục vụ việc xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí				
1.1	Thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP.	1ĐCV3	66,80	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định biên được quy định tại điểm 2.1 mục 2 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT: - Theo quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT, trung bình 1 công/1 điểm điều tra. Mỗi điểm điều tra 01 phiếu theo mẫu số 06. - Quy đổi của 1 điểm điều tra tương đương với 1 đơn vị hành chính cấp xã. Mỗi đơn vị hành chính cấp xã tiến hành điều tra 01 phiếu theo mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP. - Định mức tạm tính cho 20 đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh có điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất * 1 công/1 đơn vị hành chính cấp xã.

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích cấp xã của tỉnh Khánh Hòa theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (quy mô cấp xã tăng 3,34 lần so với quy mô xã trước đây).
1.2	Thu thập thông tin đầu vào theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 4 của Nghị định 71/2024/NĐ-CP được hình thành trong thời gian 24 tháng tính từ thời điểm khảo sát trở về trước. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về các khoản thu nhập, chi phí để xác định giá đất theo phương pháp thu nhập đối với trường hợp không đủ điều kiện áp dụng phương pháp so sánh nhưng xác định được các khoản thu nhập, chi phí từ việc sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất	2 (1ĐCV3, 1ĐCV2)	500	500	- Áp dụng tương đương định biên quy định tại điểm 2.2 mục 2 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Định mức tính theo phiếu điều tra - Theo quy định tại Thông tư 20/2015/TT-BTNMT trung bình 0,17 công/1 phiếu. Tuy nhiên, đề xuất tăng công/phiếu điều tra do trong mẫu phiếu số 1 và số 2 tại phụ lục I Nghị định 71/2024/NĐ-CP bổ sung thêm một số thông tin cần điều tra như các thông tin về năng suất cây trồng, vật nuôi (hệ thống tưới tiêu, độ phì của đất), địa hình, điều kiện giao thông phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; thông tin về thu nhập chi phí của việc sử dụng đất một số năm; giá thuê đất, giá thuê mặt bằng; giá kinh doanh sản phẩm, dịch vụ; thu thập các thông tin về khoảng cách từ thửa đất đến trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, chợ, cơ sở giáo dục, cơ sở thể

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					<p>đục thể thao, cơ sở y tế, công viên vui chơi giải trí; thông tin về thời hạn sử dụng đất; các thông tin về tài sản gắn liền với đất là cây lâu năm, rừng trồng.</p> <p>- Định mức công đề xuất là 0,2 công/phiếu trong đó 0,1 công điều tra nội nghiệp từ các nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; Văn phòng Đăng ký đất đai; đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị, tổ chức đấu giá tài sản; sàn giao dịch bất động sản, doanh nghiệp bất động sản và 0,1 công ngoại nghiệp (qua điều tra khảo sát). Định mức tạm tính 500 phiếu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>- Số lượng phiếu điều tra được tính căn cứ vào số lượng giao dịch chuyển nhượng trên thị trường, số lượng thửa trúng đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh trong vòng 24 tháng tính từ thời điểm khảo sát trở về trước.</p>
II	Xác định loại đất, khu vực, vị trí đất tại từng xã, phường				

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
2.1	Xác định khu vực trong xây dựng bảng giá đất	2 (1ĐCV3, 1ĐCV2)	25,05	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định biên quy định tại điểm 1.2 mục 1 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Định mức chỉ tính cho các đơn vị hành chính là xã nông thôn do theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định 71/2024/NĐ-CP: Các loại đất cần xác định khu vực trong bảng giá đất bao gồm: đất nông nghiệp, đất ở tại nông thôn; đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn; đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng và đất phi nông nghiệp khác tại nông thôn. - Định mức được tính trung bình là 0,5 công/1 xã do chỉ thực hiện rà soát xác định lại khu vực đã xác định trong bảng giá đất đã ban hành trên địa bàn tỉnh - Định mức đang tạm tính cho 15/20 đơn vị hành chính cấp xã là xã nông thôn. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích cấp xã của tỉnh Khánh Hòa theo

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
					mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (quy mô cấp xã tăng 3,34 lần so với quy mô xã trước đây).
2.2	Xác định vị trí đất trong xây dựng bảng giá đất	2 (1ĐCV3, 1ĐCV2)	33,40	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định biên quy định tại điểm 1.3 mục 1 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Định mức được tính theo đơn vị hành chính cấp xã, trung bình 0,5 công/1 xã do chỉ thực hiện rà soát xác định lại các vị trí đã được xác định trong bảng giá đất đã ban hành trên địa bàn tỉnh - Định mức tạm tính cho 20 đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh có điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích cấp xã của tỉnh Khánh Hòa theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (quy mô cấp xã tăng 3,34 lần so với quy mô xã trước đây).

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
III	Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại cấp xã, cấp tỉnh; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành đối với việc xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí				
3.1	Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại xã, phường				
a	Kiểm tra, rà soát toàn bộ phiếu điều tra và xác định mức giá của các vị trí đất sau khi thu thập thông tin giá đất quy định tại Điều 19 của Nghị định 71/2024/NĐ-CP.	1ĐCV3	100,20	-	<p>Áp dụng tương đương định biên quy định tại điểm 2.3, 2.4 mục 2 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT</p> <p>- Quy đổi định mức của 1 xã phường = định mức của 1 điểm điều tra = 1,5 công/ 1 xã, phường (1,0 công của nội dung 2.3 và 0,5 công của nội dung điểm 2,4)</p> <p>- Định mức tạm tính cho 20 đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh có điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất</p> <p>- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích cấp xã của tỉnh Khánh Hòa theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (quy mô cấp xã tăng 3,34 lần so với quy mô xã trước đây).</p>

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
b	Thống kê giá đất đầu vào tại xã, phường thực hiện theo Mẫu số 04 của Phụ lục I Nghị định 71/2024/NĐ-CP và xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất tại xã, phường	1ĐCV3	133,60	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định biên tương đương quy định tại điểm 2.5, 2.6 mục 2 bảng 04 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Quy đổi định mức của 1 xã phường = định mức của 1 điểm điều tra = 2 công/1 xã, phường (0,5 công của nội dung 2.5 và 1,5 công của nội dung điểm 2.6) - Định mức tạm tính cho 20 đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh có điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích cấp xã của tỉnh Khánh Hòa theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (quy mô cấp xã tăng 3,34 lần so với quy mô xã trước đây).
3.2	Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin cấp tỉnh; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành				
a	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất tại cấp tỉnh thực hiện theo mẫu biểu	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	6,77	-	- Áp dụng định biên và định mức tương đương quy định tại điểm 4.1 mục 4 Bảng 09 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT.

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
	từ Mẫu số 09 đến Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 71/2024/NĐ-CP				<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo quy định của thông tư 20/2015/TT-BTNMT. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
b	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	4,06	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định biên và định mức tương đương quy định tại điểm 4.2 mục 4 Bảng 09 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo quy định của thông tư 20/2015/TT-BTNMT. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
IV	Xây dựng dự thảo bảng giá đất, dự thảo Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí đất				

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
4.1	Xây dựng bảng giá đất được xây dựng theo khu vực, vị trí đất				
a	Bảng giá đất điều chỉnh của 01 loại đất thuộc nhóm đất nông nghiệp	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	6,77	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.1 mục 5 Bảng 09 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo quy định của thông tư 20/2015/TT-BTNMT. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
b	Bảng giá đất điều chỉnh của 01 loại đất thuộc nhóm đất phi nông nghiệp	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	27,06	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.1.2 mục 5 Bảng 09 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo quy định của thông tư 20/2015/TT-BTNMT. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
4.2	Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	13,53	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tương đương định mức quy định tại điểm 5.3 mục 5 Bảng 09 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo quy định của thông tư 20/2015/TT-BTNMT. - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).

Ghi chú:

- Định mức quy định tại các mục 1.1, 2.2, 3.1 được tính cho 20 đơn vị hành chính cấp xã có điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất. Khi số lượng xã thực hiện điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất thấp hoặc cao hơn 20 xã thì điều chỉnh định mức quy định tại các mục 1.1, 2.2, 3.1 theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng xã.
- Định mức quy định tại mục 2.1 được tính cho 15 đơn vị hành chính là xã (nông thôn).
- Định mức quy định tại mục 1.2 được tính cho 500 phiếu. Khi số lượng phiếu lớn hơn hoặc nhỏ hơn 500 phiếu thì điều chỉnh theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng phiếu cần điều tra.
- Khi số lượng loại đất thuộc nhóm đất nông nghiệp cần điều chỉnh, bổ sung lớn hoặc nhỏ hơn 01 loại đất thì điều chỉnh theo tỷ lệ thuận đối với định mức quy định tại điểm a mục 4.1; khi số lượng loại đất thuộc nhóm đất phi nông nghiệp cần điều chỉnh, bổ sung lớn hoặc nhỏ hơn 01 loại đất thì điều chỉnh theo tỷ lệ thuận đối với định mức quy định tại điểm b mục 4.1.

7.2. Định mức dụng cụ

Số TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
				Nội nghề	Ngoại nghề	
1	Bàn làm việc	Cái	96	381,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
2	Ghế văn phòng	Cái	96	381,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
3	Tủ để tài liệu	Cái	96	381,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
4	Kéo cắt giấy	Cái	9	8,03	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định mức quy định tại Bảng 5 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất) - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).
5	Bàn đập ghim	Cái	24	381,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp

Số TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
				Nội nghịệp	Ngoại nghịệp	
6	Cấp dụng tài liệu	Cái	24		100,00	Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
7	Mũ cứng	Cái	12		100,00	Tính bằng 100% số nhân công đi điều tra thực địa
8	Lưu điện	Cái	60	381,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
9	Quần áo mưa	Bộ	6		50,00	Tính bằng 50% số nhân công đi điều tra thực địa
10	Bình đựng nước uống	Cái	6		100,00	Tính bằng 100% số nhân công đi điều tra thực địa
11	Ba lô	Cái	24		100,00	Tính bằng 100% số nhân công đi điều tra thực địa
12	Thuốc nhựa	Cái	24	160,63	-	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định mức quy định tại Bảng 10 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây). - Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-

Số TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
						BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất)
13	Gọt bút chì	Cái	9	16,06	214,06	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định mức quy định tại Bảng 10 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây). - Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất)
14	Đèn neon	Bộ	30	105,83		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người
15	Đồng hồ treo tường	Cái	36	105,83		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người

Số TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
16	Máy tính Casio	Cái	36	63,50		Tính bằng 10% tổng nhân công nội nghiệp
17	Máy hút bụi	Cái	60	529,17		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người; tuần hút 5 lần, mỗi lần 30 phút.
18	Quạt trần	Cái	60	63,50		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người
19	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		20,00	Chuyển từ thiết bị sang Tính bằng 20% số nhân công đi điều tra thực địa
20	Điện năng	kW		68,01		Tính theo công suất thiết bị

Ghi chú:

- Định mức thiết bị nội nghiệp được tính cho được tính cho 20 đơn vị hành chính cấp xã có điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất. Khi số lượng xã thực hiện điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất thấp hoặc cao hơn 20 xã thì điều chỉnh định mức dụng cụ theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng xã.

- Định mức dụng cụ ngoại nghiệp được tính cho trung bình 500 phiếu điều tra. Trong trường hợp số lượng phiếu điều tra thấp hơn hoặc cao hơn 500 thì điều chỉnh định mức dụng cụ ngoại nghiệp theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng phiếu cần điều tra.

7.3. Định mức thiết bị

STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất (kW/h)	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
1	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	2,20	96	105,83		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người
2	Máy vi tính	Cái	0,40	60	381,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
3	Máy photocopy	Cái	1,50	60	132,64		<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định mức quy định tại Bảng 12 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây). - Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất)
4	Máy tính xách tay	Cái	0,50	60		30,00	Tính bằng 30% số nhân công đi điều tra thực địa

STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất (kW/h)	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca)		Thuyết minh
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
5	Máy in A3	Cái	0,50	60	26,11		<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định mức quy định tại Bảng 12 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. - Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT - Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây). - Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất)
6	Máy in A4	Cái	0,40	60	26,11		Đề nghị bổ sung để phục vụ công tác in phiếu. Tính bằng số ca in của máy A3
7	Máy chiếu	Cái	0,50	60	4,00		Tính bằng số giờ hội thảo (dự kiến 16 cuộc hội thảo x 4 giờ/cuộc), mỗi ngày làm việc 8h
8	Điện năng	kW			5.121,34		Tính theo công suất thiết bị

Ghi chú:

- Định mức thiết bị nội nghiệp được tính cho được tính cho 20 đơn vị hành chính cấp xã có điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất. Khi số lượng xã thực hiện điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất thấp hoặc cao hơn 20 xã thì điều chỉnh định mức dụng cụ theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng xã.

- Định mức thiết bị ngoại nghiệp được tính cho trung bình 500 phiếu điều tra. Trong trường hợp số lượng phiếu điều tra thấp hơn hoặc cao hơn 500 phiếu thì điều chỉnh định mức thiết bị ngoại nghiệp theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng phiếu cần điều tra.

7.4. Định mức vật liệu

STT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Định mức		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
1	USB (4 GB)	Cái	10,00		Chuyển từ dụng cụ sang, tính trung bình 2 xã 1 cái
2	Giấy A4	Gram	1,00	2,20	- Định mức ngoại nghiệp bằng tổng số phiếu điều tra/500 tờ + 10% sai sót - Định mức nội nghiệp tính 25% định mức ngoại nghiệp
3	Giấy A3	Gram	2,00	-	<p>- Áp dụng định mức tại bảng 08 thông tư 20/2015/TT-BTNMT.</p> <p>- Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT.</p> <p>- Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất)</p> <p>- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</p>
4	Hồ dán khô	Hộp	4,00	-	
5	Sổ ghi chép	Cuốn	4,00	4,00	
6	Cặp 3 dây	Cái	4,00	4,00	
7	Bút bi	Cái	16,00	12,00	
8	Ghim dập	Cái	6,00	-	
9	Ghim vòng	Cái	6,00	-	
10	Túi ny lông đựng tài liệu	Cái	-	6,00	
11	Băng dính to	Cuốn	8,00	-	

STT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Định mức		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
12	Bút dạ màu	Bộ	2,00	6,00	<p>- Áp dụng định mức tại bảng 08 thông tư 20/2015/TT-BTNMT.</p> <p>- Vận dụng hệ số điều chỉnh của các tỉnh Khánh Hòa (trước đây) theo thông tư số 20/2015/TT-BTNMT.</p> <p>- Tăng thêm 45% định mức do các loại đất cần quy định giá của tỉnh Khánh Hòa là 16 loại đất (định mức quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT quy định cho việc xây dựng bảng giá đất cho 11 loại đất)</p> <p>- Định mức được điều chỉnh theo quy mô diện tích của tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập (quy mô diện tích của tỉnh tăng 1,65 lần so với trước đây).</p>
13	Bút chì	Cái	6,00	2,00	
14	Bút xóa	Cái	8,00	-	
15	Bút nhớ dòng	Cái	8,00	-	
16	Tẩy chì	Cái	6,00	4,00	
17	Mực photocopy	Hộp	0,04	0,04	Photocopy 70% lượng giấy A4 và 60% lượng giấy A3
18	Mực in A4 Laser	Hộp	0,07	0,28	<p>- Bổ sung thêm để phục vụ công tác in phiếu, in tài liệu</p> <p>- Mỗi hộp mực in được 1.200 trang giấy; dự kiến in 30% số lượng giấy A4</p>
19	Mực in A3 Laser	Hộp	0,60	-	- Mỗi hộp mực in được 1000 trang giấy; dự kiến in 40% số lượng giấy A3

Ghi chú:

- Định mức vật liệu nội nghiệp được tính cho cho 20 đơn vị hành chính cấp xã có điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất. Khi số lượng xã thực hiện điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất thấp hoặc cao hơn 20 xã thì điều chỉnh định mức dụng cụ theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng xã.

- Định mức vật liệu ngoại nghiệp được tính cho trung bình 500 phiếu điều tra. Trong trường hợp số lượng phiếu điều tra thấp hơn hoặc cao hơn 500 thì điều chỉnh định mức vật liệu ngoại nghiệp theo tỷ lệ tăng giảm của số lượng phiếu cần điều tra.

Cơ cấu sử dụng dụng cụ, thiết bị, vật liệu cho từng nội dung công việc, xây dựng bảng giá đất được xác định theo sau:

STT	Nội dung công việc	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	Tổng	100,00	100,00
1	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin phục vụ việc xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí	26,30	100,00
2	Xác định loại đất, khu vực vị trí đất tại từng xã, phường	18,43	
3	Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại cấp xã, cấp tỉnh; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành đối với việc xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí	40,31	
4	Xây dựng dự thảo bảng giá đất, dự thảo Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí đất	14,96	

8. Thuyết minh xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán định giá đất cụ thể

8.1. Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/mục đích sử dụng đất)				Thuyết minh
			Đất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp		
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
1	Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin (gồm các thông tin về thửa đất định giá, thông tin đầu vào để áp dụng các phương pháp định giá đất theo mẫu biểu từ Mẫu số 01 đến mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP)	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	10	5	8	4	<p>Áp dụng định biên tương đương quy định tại mục 2.1; 2.2 mục 2 Bảng 14 Thông tư số 20/TT-BTNMT</p> <p>- Đối với đất nông nghiệp: Tính trung bình 10 công để điều tra thu thập từ các nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; Văn phòng Đăng ký đất đai; đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị, tổ chức đấu giá tài sản; sàn giao dịch bất động sản, doanh nghiệp bất động sản và 05 công ngoại nghiệp để điều tra thu thập thông tin qua điều tra, khảo sát.</p> <p>- Đối với đất phi nông nghiệp: Tính trung bình 08 công để điều tra thu thập từ các nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; Văn phòng Đăng ký đất đai; đơn vị tổ chức thực hiện việc</p>

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/mục đích sử dụng đất)				Thuyết minh
			Đất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp		
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
							đầu giá quyền sử dụng đất, đơn vị, tổ chức đầu giá tài sản; sàn giao dịch bất động sản, doanh nghiệp bất động sản và 04 công ngoại nghiệp để điều tra thu thập thông tin qua điều tra, khảo sát.
2	Lựa chọn phương pháp định giá đất	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	21		27		<p>Áp dụng định biên tương đương quy định tại mục 2.3, 2.4 mục 2 và mục 3- Bảng 14 Thông tư số 20/TT-BTNMT</p> <p>- Định mức: Đối với đất nông nghiệp: Áp dụng tương đương định mức đã quy định tại các mục 2.3, 2.4 và mục 3.1,3.2,3.4 Bảng 14.</p> <p>- Đối với đất phi nông nghiệp: tính trung bình số công của định mức quy định đối với đất ở, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở tại các mục 2.3, 2.4 và mục 3.1,3.2,3.4 bảng 14 do theo quy định tại Nghị định 71/2024/NĐ-CP, phiếu điều tra được quy</p>

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/mục đích sử dụng đất)				Thuyết minh
			Đất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp		
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
							định chung cho các loại đất phi nông nghiệp.
3	Xây dựng báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất, dự thảo chứng thư định giá đất	2 (1ĐCV4, 1ĐCV3)	10		10		Áp dụng tương đương quy định tại mục 3.3 và 3.5 mục 3- Bảng 14 Thông tư số 20/TT-BTNMT

Nguyên tắc áp dụng bảng định mức:

(1) Định mức tại bảng trên được tính cho 01 thửa đất có 01 mục đích sử dụng đất tại địa bàn 01 xã; có diện tích 01 ha đối với đất phi nông nghiệp, diện tích 3 ha đối với đất nông nghiệp. Khi tính mức cho thửa đất hoặc khu đất cụ thể thì căn cứ vào hệ số theo quy mô diện tích và khu vực quy định tại Bảng 01, Bảng 02, Bảng 03 để điều chỉnh đối với mục 2.

(2) Trường hợp khu đất cần định giá có nhiều mục đích sử dụng đất thì hiệu chỉnh định mức như sau:

a) Đối với mục 2:

- Trường hợp có thể tách được diện tích của từng mục đích sử dụng thì tính mức riêng theo diện tích của từng mục đích sử dụng;

- Trường hợp không tách được diện tích của từng mục đích sử dụng thì tính chung và áp dụng mức của mục đích sử dụng có diện tích lớn nhất. Đối với thửa đất hoặc khu đất có 02 mục đích sử dụng thì nhân với hệ số $K=1,5$; đối với thửa đất hoặc khu đất có trên 02 mục đích sử dụng thì được bổ sung hệ số 0,2 cho mỗi 01 mục đích tăng thêm;

b) Đối với mục 3 thì nhân với hệ số $K = 1,3$.

(3) Trường hợp khu đất cần định giá có diện tích lớn, trong đó có nhiều thửa đất thì việc tính mức thực hiện như sau:

a) Đối với mục 2.

- Đối với trường hợp thửa đất có đặc điểm tương tự về mục đích sử dụng đất, vị trí, khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, diện tích, kích thước, hình thể và tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất thì chỉ tính mức đối với 01 thửa đất. Đối với khu đất có 02 thửa đất thì nhân với hệ số $K=1,3$; đối với khu đất có trên 02 thửa đất thì được bổ sung hệ số 0,02 cho mỗi 01 thửa đất tăng thêm;

- Đối với trường hợp các thửa đất khác nhau về các đặc điểm nêu trên thì tính mức riêng cho các thửa đất;

b) Đối với mục 3 nhân với hệ số $K=1,3$

(4) Trường hợp thửa đất hoặc khu đất cần định giá của tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, sau đó được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thay đổi quy hoạch xây dựng chi tiết dẫn đến thay đổi hệ số sử dụng đất (mật độ, chiều cao của công trình) mà phải xác định giá đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết trước và sau khi điều chỉnh tại cùng thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thay đổi quy hoạch thì nhân với hệ số $K=1,5$ đối với mục 2.

(5) Trường hợp xác định giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đối với thửa đất có diện tích nhỏ dưới 0,1 ha thì nhân với hệ số $K=0,5$ đối với mục 2.

8.2. Định mức dụng cụ

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca/thửa đất)				Thuyết minh
				Đất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp		
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
1	Bàn làm việc	Cái	96	49,20		54,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
2	Ghế văn phòng	Cái	96	49,20		54,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
3	Tủ để tài liệu	Cái	96	49,20		54,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
4	Bàn dập ghim	Cái	24		10,00		8,00	Tính bằng số công điều tra ngoại nghiệp
5	Tất	Đôi	6		10,00		8,00	Tính bằng số công điều tra ngoại nghiệp
6	Cặp đựng tài liệu	Cái	24	49,20		54,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
7	Mũ cứng	Cái	12		10,00		8,00	Tính bằng số công điều tra ngoại nghiệp
8	Lưu điện	Cái	60	49,20		54,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
9	Quần áo mưa	Bộ	6		5,00		4,00	Tính bằng 50% số công điều tra ngoại nghiệp
10	Bình đựng nước uống	Cái	6		10,00		8,00	Tính bằng số công điều tra ngoại nghiệp
11	Ba lô	Cái	24		10,00		8,00	Tính bằng số công điều tra ngoại nghiệp
12	Thước nhựa 40cm	Cái	24		10,00		8,00	Tính bằng số công điều tra ngoại nghiệp

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn (tháng)	Định mức (ca/thửa đất)				Thuyết minh
				Đất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp		
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
13	Gọt bút chì	Cái	9		10,00		8,00	Tính bằng số công điều tra ngoại nghiệp
14	Đèn neon 0,04 kW	Bộ	30	13,67		15,00		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người
15	Máy tính Casio	Cái	36		10,00		8,00	Tính bằng số công điều tra ngoại nghiệp
16	Quạt trần 0,1 kW	Cái	60	13,67		15,00		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người
17	Điện năng	kW		16,07		17,64		Tính theo công suất thiết bị

Ghi chú:

- Định mức dụng cụ nội nghiệp được tính cho 01 thửa đất có 01 mục đích sử dụng đất. Trường hợp khu đất cần định giá có nhiều thửa đất hoặc nhiều mục đích sử dụng thì hiệu chỉnh định mức dụng cụ nội nghiệp tương tự như phần định mức nhân công.

8.3. Định mức thiết bị

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Công suất (kW/h)	Thời hạn sử dụng	Định mức (ca/thửa đất)				Thuyết minh
					Đất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp		
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
1	Máy in A3	Cái	0,5	60	4,36		5,14		Đối với đất nông nghiệp, áp dụng 100% định mức quy định tại bảng 17 thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. Đối với đất phi nông nghiệp, áp dụng bằng trung bình định mức của đất ở và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở
2	Máy vi tính	Cái	0,4	60	49,20		54,00		Tính 60% tổng nhân công nội nghiệp
3	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	2,2	96	13,67		15,00		Tính theo phòng = số nhân công nội nghiệp/6 người
4	Máy chiếu	Cái	0,5	60	2,01		2,49		Đối với đất nông nghiệp, áp dụng 100% định mức quy định tại bảng 17 thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. Đối với đất phi nông nghiệp, áp dụng bằng trung bình định mức của đất ở và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Công suất (kW/h)	Thời hạn sử dụng	Định mức (ca/thửa đất)				Thuyết minh
					Đất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp		
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
5	Máy tính xách tay	Cái		60		10,00		8,00	Tính bằng số công điều tra ngoại nghiệp
6	Máy photocopy	Cái	1,5	60	3,35		3,95		Đối với đất nông nghiệp, áp dụng 100% định mức quy định tại bảng 17 thông tư số 20/2015/TT-BTNMT. Đối với đất phi nông nghiệp, áp dụng bằng trung bình định mức của đất ở và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở
7	Máy ảnh	Cái		60		10,00		8,00	Tính bằng số công điều tra ngoại nghiệp
8	Điện năng	kW			60,85		67,56		Tính theo công suất thiết bị

Ghi chú:

- Định mức thiết bị nội nghiệp được tính cho 01 thửa đất có 01 mục đích sử dụng đất. Trường hợp khu đất cần định giá có nhiều thửa đất hoặc nhiều mục đích sử dụng thì hiệu chỉnh định mức thiết bị nội nghiệp tương tự như phần định mức nhân công.

8.4. Định mức vật liệu

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Định mức (tính cho thửa đất)		Thuyết minh
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
1	Băng dính to	Cuộn	1,00		Áp dụng 100% định mức quy định tại thông tư số 20/2015/TT-BTNMT
2	Bút dạ màu	Bộ	1,00	1,00	
3	Bút chì	Chiếc	1,00	1,00	
4	Tẩy chì	Chiếc	1,00	1,00	
5	Mực in A3 laser	Hộp	0,09		
6	Mực phôi tô	Hộp	0,12		
7	Bút bi	Chiếc	2,00	1,00	
8	Sổ ghi chép	Cuốn	1,00	1,00	
9	Cặp 3 dây	Chiếc	1,00	1,00	
10	Giấy A4	Gram	0,50	0,50	
11	Giấy A3	Gram	0,30		
12	Ghim dập	Hộp	0,50		
13	Ghim vòng	Hộp	0,50		
14	Túi Nylông đựng tài liệu	Chiếc		1,00	

Ghi chú:

- Định mức vật liệu nội nghiệp được tính cho 01 thửa đất có 01 mục đích sử dụng đất. Trường hợp khu đất cần định giá có nhiều thửa đất hoặc nhiều mục đích sử dụng thì hiệu chỉnh định mức vật liệu nội nghiệp tương tự như phần định mức nhân công.

Cơ cấu sử dụng mức dụng cụ, thiết bị, vật liệu theo nội dung công việc của định giá đất cụ thể được xác định theo bảng sau:

STT	Nội dung công việc	Cơ cấu (%)			
		Đất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin	24,39	100	17,78	100
2	Lựa chọn phương pháp định giá đất	51,22		60	
3	Xây dựng báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất, dự thảo chứng thư định giá đất	24,39		22,22	